

**Fryberger Elementary School**  
**Sở Giáo Dục California**  
**Phiếu Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Trường Học**  
**Báo Cáo Dựa Trên Dữ Liệu từ Năm Học 2016–17**

Theo luật tiểu bang, trễ nhất vào ngày 1 tháng Hai hằng năm mọi trường học ở California đều phải công bố Phiếu Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Trường Học (School Accountability Report Card - SARC). SARC có thông tin về tình trạng và kết quả hoạt động của mỗi trường công lập tại tiểu bang California. Theo Công Thức Tài Trợ Kiểm Soát Địa Phương (Local Control Funding Formula - LCFF), tất cả các Cơ quan Giáo dục Địa phương (Local Educational Agencies - LEA) phải chuẩn bị một Kế Hoạch Kiểm Soát và Trách Nhiệm Giải Trình tại Địa Phương (Local Control and Accountability Plan - LCAP) mô tả phương thức các trường dự định sẽ đạt được các mục tiêu hàng năm cụ thể của trường cho tất cả các học sinh, với các hoạt động cụ thể nhằm giải quyết các ưu tiên của địa phương và tiểu bang. Ngoài ra, dữ liệu được báo cáo trong LCAP phải nhất quán với dữ liệu được báo cáo trong SARC.

- Để biết thêm thông tin về các yêu cầu SARC, xem Trang Mạng về SARC thuộc Sở Giáo Dục California (California Department of Education - CDE) tại <http://www.cde.ca.gov/ta/ac/sa/>.
- Để biết thêm thông tin về LCFF hoặc LCAP, xem Trang Mạng về LCFF của CDE tại <http://www.cde.ca.gov/fg/aa/lc/>.
- Để biết thêm thông tin về trường, phụ huynh/người giám hộ và cư dân trong cộng đồng có thể liên lạc với hiệu trưởng hoặc văn phòng khu học chánh.

**DataQuest**

DataQuest là một công cụ trực tuyến trên trang Mạng DataQuest của CDE tại <http://dq.cde.ca.gov/dataquest/> chứa đựng thông tin bổ sung về trường học này và dữ liệu so sánh trường với khu học chánh và quận. Cụ thể thì DataQuest là một hệ thống năng động cung cấp báo cáo về giải trình trách nhiệm (ví dụ: dữ liệu kiểm tra, học sinh ghi danh, tỷ lệ tốt nghiệp trung học, tỷ lệ bỏ học, học sinh ghi danh khóa học, nhân sự, và dữ liệu về người học tiếng Anh)..

**Truy cập Internet**

Truy cập Internet sẵn có tại các thư viện công cộng và các địa điểm khác mở cửa cho công chúng (ví dụ: Thư viện Tiểu bang California). Truy cập Internet tại thư viện và nơi công cộng thường được cung cấp theo quy tắc người tới trước dùng trước. Những hạn chế về sử dụng khác có thể bao gồm giờ hoạt động, khoảng thời gian có thể dùng trạm máy (phụ thuộc vào tình trạng sẵn có), loại chương trình phần mềm sẵn có trên trạm máy, và khả năng in tài liệu.

**Giới Thiệu Về Trường Đây**

Thông Tin Liên Lạc của Trường (Năm Học 2017–18)	
<b>Tên Trường</b>	Fryberger Elementary School
<b>Đường Phố</b>	14121 Cedarwood Avenue
<b>Thành Phố, Tiểu Bang, Mã Bưu điện</b>	Westminster, CA 92683
<b>Số Điện Thoại</b>	(714) 894-7237
<b>Hiệu Trưởng</b>	Dr. Dena Kiouses
<b>Địa Chỉ Email</b>	dkiouses@wspd8.us
<b>Trang Mạng</b>	<a href="http://fryberger.wspd8.us/">http://fryberger.wspd8.us/</a>
<b>Mã Số Quận-Khu Học Chánh-Trường học (County-District-School - CDS)</b>	30667466030787

Thông Tin Liên Lạc của Khu Học Chánh (Năm Học 2017–18)	
Tên Khu Học Chánh	Fay Fryberger Elementary School
Số Điện Thoại	(714) 894-7311
Giám Đốc Khu Học Chánh	Sheri Loewenstein, Interim
Địa Chỉ Email	sloewenstein@wsdk8.us
Trang Mạng	<a href="http://www.wsdk8.us/">http://www.wsdk8.us/</a>

## Mô Tả Trường học và Bản Tuyên Bố Sứ Mệnh (Năm Học 2017–18)

### Principal's Message

Welcome to the annual School Accountability Report Card (SARC) for Fryberger Elementary School. Thank you for taking the time to review and explore it. Fryberger is proud of its students and staff, and is honored to be able to share some information about the school with you.

Fryberger Elementary School is a Professional Learning Community in which we strive to positively affect student outcomes through all school endeavors.

We maintain a focus on student achievement, while nurturing the social and emotional growth of our students. In partnership with students, their families, and our community, Fryberger's vision is to help their students soar in achieving their dreams of being productive citizens and a community of inquiry-based learners. Our pleasant and appealing facilities are an inviting place to learn. It is the purpose of our education community to enhance student capacity for to be prepared for a global world by providing a rigorous program in safe and nurturing environment .

Fryberger School is proud of the commitment to actively engage students in meaningful learning activities at all times. We utilize the following programs within all of our TK through 5th grade classrooms to provide significant learning experiences for our students. In addition to core curriculum, Fryberger students enjoy a strong technology education. Students in grades 2-5 have one-to-one electronic devices and students in grades TK-1 enjoy multiple opportunities each week in our school's computer lab. Intervention as well as Gifted and Talented Education (GATE) differentiation is available, to support students at their own personal learning level. All student participate in ST Math and students in grades 1-5 use Accelerated Reader. All students receive PE, music, and art education to enhance student learning.

We have an active PTA and invite all parents to campus to volunteer through multiple opportunites.

The highly qualified and committed staff at Fryberger motivates our students to meet the challenges of our technologically advanced, ever changing global society and to strive for lifelong learning. For additional information about Fryberger and/or opportunities for involvement please contact our office; I will be happy to talk with you.

Dr. Kiouses

### Community & School Profile

Westminster School District is located 35 miles southeast of Los Angeles in the city of Westminster, California, in beautiful Orange County. Real estate opportunities, self-owned businesses, marketing companies, a variety of private and public sector organizations enrich the local economy. The district serves grades kindergarten through eight in the Westminster area as well as the neighboring communities of Garden Grove, Huntington Beach, and Midway City. The district is comprised of seven K-5 and six K-6 elementary schools, and three middle schools.

Fryberger Elementary School is located in Westminster, among a vivid city backdrop and operates on a traditional calendar. At the beginning of the 2016-17 school year, 470 students were enrolled at Fryberger Elementary. Student body demographics are illustrated in the chart.

**Học Sinh Ghi Danh theo Cấp Lớp (Năm Học 2016–17)**

Cấp Lớp	Số Học Sinh
Mẫu Giáo	85
Lớp 1	75
Lớp 2	66
Lớp 3	72
Lớp 4	93
Lớp 5	79
Lớp 6	
Lớp 7	
Lớp 8	
Tiểu Học Không Phân Lớp	
Lớp 9	
Lớp 10	
Lớp 11	
Lớp 12	
Trung Học Cơ Sở Không Phân Lớp	
Tổng Ghi Danh	470

**Học Sinh Ghi Danh theo Nhóm Học Sinh (Năm Học 2016–17)**

Nhóm Học Sinh	Phần Trăm trong Tổng Ghi Danh
Người Da Đen hoặc Người Hoa Kỳ Gốc Phi	0.6
Người Hoa Kỳ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0.2
Người Gốc Á Châu	25.7
Người Phi Luật Tân	1.7
Người Gốc Tây Ban Nha hoặc La-tinh	59.6
Người Hạ Uy Di Bản Địa hoặc Người Các Đảo Thái Bình Dương	0.2
Người Da Trắng	7.2
Người mang Hai hoặc Nhiều Chúng Tộc	2.6
Người có Hoàn Cảnh Kinh Tế Xã Hội Khó Khăn	78.9
Người Học Tiếng Anh	51.1
Học Sinh Khuyết Tật	8.7
Thanh Thiếu Niên được Chăm Sóc bởi Giám Hộ	0.6

## A. Điều Kiện Học Tập

### Ưu Tiên của Tiểu Bang: Cơ Bản

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Cơ Bản (Ưu Tiên 1):

- Mức độ giáo viên được phân công một cách thích đáng và có đầy đủ bằng cấp chứng nhận trong lĩnh vực môn học và với các học sinh họ đang giảng dạy;
- Học sinh được tiếp cận với các tài liệu giảng dạy theo tiêu chuẩn; và
- Cơ sở vật chất của trường được giữ gìn tốt

### Bảng Cấp Chứng Nhận của Giáo Viên

Giáo Viên	Trường			Khu Học Chánh
	2015-16	2016-17	2017-18	2017-18
Có Đầy Đủ Bằng Cấp Chứng Nhận	21	22	22	393
Không Có Đầy Đủ Bằng Cấp Chứng Nhận	0	0	0	0
Giảng Dạy Ngoài Lĩnh Vực Môn Học Chuyên Ngành (có đầy đủ bằng cấp chứng nhận)	0	0	0	0

### Phân Công Giáo Viên Trái Phép và Các Vị Trí Giáo Viên Còn Trống

Chỉ Báo	2015-16	2016-17	2017-18
Trường Hợp Phân Công Giáo Viên Trái Phép cho Người Học Tiếng Anh	0	0	0
Tổng Số Các Trường Hợp Phân Công Giáo Viên Trái Phép	0	0	0
Các Vị Trí Giáo Viên Còn Trống	0	0	0

Ghi chú: "Phân công trái phép" nói đến số vị trí được điền khuyết bởi giáo viên thiếu thẩm quyền hợp pháp để dạy cấp lớp, môn học, nhóm học sinh đó, v.v.

\* Tổng Số Các Trường Hợp Phân Công Giáo Viên Trái Phép bao gồm cả số Trường Hợp Phân Công Giáo Viên Trái Phép cho Người Học Tiếng Anh.

### Chất Lượng, Tình Trạng Cập Nhật, Tình Trạng Sẵn Có Của Sách Giáo Khoa và Tài Liệu Giảng Dạy (Năm Học 2017–18)

10/19/2017

Westminster School District held a public hearing on October 19, 2017 and determined that each school within the district had sufficient and good quality textbooks, instructional materials, or science lab equipment pursuant to the settlement of Williams vs. The State of California. Core subject textbooks and instructional materials are provided for each student, including English Learners.

Standards-aligned texts and materials are reserved both for use in the classroom and to take home. All textbooks and instructional materials used within the school are aligned with California State Frameworks, State Board of Education, and District Standards.

Westminster School District is actively involved in the selection process of materials and textbooks. The selection process involves teachers, administrators, district support personnel, and parents. The district follows the State of California's Textbook Adoption Cycle, which requires every school site to review textbooks in each curriculum area within a seven-year cycle; textbooks are replaced at the rate of one subject area per year. The table contains a list of the most recent textbook adoptions in core curriculum areas for the school as of October 2017.

Môn Học	Sách Giáo Khoa và Tài Liệu Giảng Dạy/năm Phê Chuẩn	Từ Đợt Phê Chuẩn Gần Nhất?	Phần Trăm Học Sinh Không Có Sách Được Chỉ Định Riêng
Độc/Văn Chương	McGraw-Hill World of Wonders / 2017 McGraw-Hill World of Wonders with Integrated ELD / 2017 Scholastic Read 180/System 44 / 2011	Yes	0
Toán	McGraw-Hill (My Math) / 2016	Yes	0
Khoa Học	Scott Foresman Science / 2008	Yes	0
Lịch Sử–Khoa Học Xã Hội	Houghton Mifflin Social Studies / 2007	Yes	0
Ngoại Ngữ			
Giáo Dục Sức Khỏe			
Nghệ Thuật Hình Ảnh và Trình Diễn	MacMillan McGraw-Hill (Spotlight on Music California) / 2009	Yes	0
Dụng Cụ tại Phòng Thí Nghiệm Khoa Học (lớp 9 tới lớp 12)			

#### Tình Trạng Cơ Sở Vật Chất của Trường và Kế Hoạch Cải Tiến

Fryberger Elementary School offers a safe and secure campus for students and staff. The school was built in 1964 and provides up-to-date facilities and adequate space. Fryberger Elementary School is comprised of a kindergarten area, library media center, computer lab, large multipurpose room, and 27 classrooms. The school also enjoys a spacious playground with swings, a slide and play bars, as well as grassy fields for running, sports, and games. The school added new digital marquee and expanded the staff/community parking lot.

The school's Comprehensive School Site Safety Plan is updated every year to ensure the protection of students and staff. All staff members have copies of the plan and annually attend in-service days regarding school site safety policies. Students are supervised throughout the day by classified employees and teachers. There is a designated area for student drop-off and pick-up. Visitors register at the office and receive identification badges that must be displayed at all times.

The school is in compliance with the laws, rules, and regulations pertaining to hazardous materials and state earthquake standards. Earthquake preparedness drills, fire drills, and intruder drills are held on a regular basis. In the event of an emergency, the school's Disaster Preparedness Plan has clearly defined procedures to accommodate crisis situations and supplies are readily available.

## Tình Trạng Sửa Chữa cho Trường học

Năm và tháng của báo cáo FIT gần nhất: 9/28/2017				
Hệ Thống Được Kiểm Tra				Công Việc Sửa Chữa Cần Thiết và Hành Động Đã hoặc Dự Định Thực Hiện
	Tốt	Được	Tồi	
<b>Hệ Thống:</b> Rò Rỉ Ga, Cơ Khí/HVAC, Cống rãnh	X			
<b>Bên Trong:</b> Các Bề Mặt Bên Trong	X			
<b>Sự Sạch Sẻ:</b> Sự Sạch Sẻ Tổng Quát, Sự Quấy Phá Của Chuột Bọ/ Sâu Mọt	X			
<b>Điện:</b> Điện	X			
<b>Phòng Vệ Sinh/Vòi Nước Máy:</b> Phòng Vệ Sinh, Bồn Rửa/ Vòi Nước Máy	X			
<b>Sự An Toàn:</b> An Toàn Hỏa Hoạn, Vật Liệu Nguy Hiểm	X			
<b>Cấu Trúc:</b> Thiệt Hại về Cấu Trúc, Mái Nhà	X			
<b>Bên Ngoài:</b> Sân Chơi/Sân Trường, Cửa Sổ/Cửa Ra Vào/Cống/Hàng Rào	X			

## Đánh Giá Tổng quát dành cho Cơ Sở

Năm và tháng của báo cáo FIT gần nhất: 9/28/2017				
Đánh Giá Tổng Quát	Hoàn Hảo	Tốt	Trung bình	Kém
		X		

## B. Kết Quả Học Tập của Học Sinh

### Ưu Tiên của Tiểu Bang: Thành Tích Học Tập của Học Sinh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Thành Tích Học Tập của Học Sinh (Ưu Tiên 4):

- **Thẩm định trên toàn tiểu bang** (tức là, Hệ Thống Thẩm Định Thành Tích Học Tập và Tiến Bộ của Học Sinh tại California [CAASPP], bao gồm Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cho học sinh trong nhóm giáo dục phổ thông và Thẩm Định Thay Thế của California [CAAs] cho văn chương Anh ngữ/đọc viết [ELA] và môn toán được tổ chức từ lớp ba tới lớp tám và lớp mười một. CAA đã thay thế Thẩm Định Thành Tích Học Tập Thay Thế của California [CAPA] cho ELA và môn toán, được loại bỏ vào năm 2015. Chỉ các học sinh hội đủ điều kiện có thể tham gia dự thi CAAs. Các mục của CAAs phải phù hợp với các tiêu chuẩn thành tích học tập thay thế, được liên kết với các Tiêu Chuẩn Cốt Lõi Chung của Tiểu Bang [CCSS] cho học sinh bị khuyết tật nhận thức nặng); và
- Phần trăm học sinh đã hoàn tất thành công các khóa học đáp ứng các yêu cầu vào Trường Đại Học California (University of California) và Trường Đại Học Tiểu Bang California (California State University), hoặc các khoá kỹ thuật học nghề hoặc chương trình học tập

### Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong Văn Chương Anh Ngữ/Đọc Viết (ELA) và Môn Toán cho Tất Cả Các Học Sinh

Môn học	Phần Trăm Học Sinh Đáp Ứng hoặc Vượt Qua Các Tiêu Chuẩn Của Tiểu Bang					
	Trường		Khu Học Chánh		Tiểu Bang	
	2015-16	2016-17	2015-16	2016-17	2015-16	2016-17
<b>Văn Chương Anh Ngữ/ Đọc Viết (lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11)</b>	51	47	55	55	48	48
<b>Toán (lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11)</b>	45	42	50	52	36	37

Ghi chú: Tỷ lệ phần trăm không được tính khi số học sinh đi thi là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

**Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong ELA theo Nhóm Học Sinh**  
**Lớp Ba đến Lớp Tám và Lớp Mười Một (Năm Học 2016–17)**

Nhóm Học Sinh	Tổng Ghi Danh	Số Học Sinh Đi Thi	Phần Trăm Đi Thi	Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua
<b>Tất Cả Các Học Sinh</b>	235	225	95.74	46.67
<b>Nam</b>	121	116	95.87	43.1
<b>Nữ</b>	114	109	95.61	50.46
<b>Người Da Đen hoặc Người Hoa Kỳ Gốc Phi</b>	--	--	--	--
<b>Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa</b>	--	--	--	--
<b>Người Gốc Á Châu</b>	67	67	100	64.18
<b>Người Phi Luật Tân</b>	--	--	--	--
<b>Người Gốc Tây Ban Nha hoặc La-tinh</b>	134	132	98.51	34.09
<b>Người Hạ Uy Di Bản Địa hoặc Người Các Đảo Thái Bình Dương</b>				
<b>Người Da Trắng</b>	17	12	70.59	75
<b>Người mang Hai hoặc Nhiều Chứng Tộc</b>	--	--	--	--
<b>Người có Hoàn Cảnh Kinh Tế Xã Hội Khó Khăn</b>	185	175	94.59	37.71
<b>Người Học Tiếng Anh</b>	156	147	94.23	44.22
<b>Học Sinh Khuyết Tật</b>	20	20	100	25
<b>Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành cho Di Dân</b>				
<b>Thanh Thiếu Niên được Chăm Sóc Giám Hộ</b>				

Ghi chú: Kết quả kỳ thi ELA bao gồm Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn và CAA. “Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đáp ứng hoặc vượt qua tiêu chuẩn của Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cộng với tổng số học sinh đáp ứng tiêu chuẩn của CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai thẩm định.

Ghi chú: Hai dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Ghi chú: Số học sinh đi thi bao gồm tất cả các học sinh tham gia kỳ thi bất kể có nhận được điểm số hay không; tuy nhiên số học sinh đi thi không phải là số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích. Chỉ các học sinh có điểm số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích.

**Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong Môn Toán theo Nhóm Học Sinh  
Lớp Ba đến Lớp Tám và Lớp Mười Một (Năm Học 2016–17)**

Nhóm Học Sinh	Tổng Ghi danh	Số Học Sinh Đi Thi	Phần Trăm Đi Thi	Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua
<b>Tất Cả Các Học Sinh</b>	235	233	99.15	42.49
<b>Nam</b>	121	121	100	48.76
<b>Nữ</b>	114	112	98.25	35.71
<b>Người Da Đen hoặc Người Hoa Kỳ Gốc Phi</b>	--	--	--	--
<b>Người Hoa Kỳ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa</b>	--	--	--	--
<b>Người Gốc Á Châu</b>	67	67	100	70.15
<b>Người Phi Luật Tân</b>	--	--	--	--
<b>Người Gốc Tây Ban Nha hoặc La-tinh</b>	134	132	98.51	29.55
<b>Người Hạ Uy Di Bản Địa hoặc Người Các Đảo Thái Bình Dương</b>				
<b>Người Da Trắng</b>	17	17	100	41.18
<b>Người mang Hai hoặc Nhiều Chứng Tộc</b>	--	--	--	--
<b>Người có Hoàn Cảnh Kinh Tế Xã Hội Khó Khăn</b>	185	183	98.92	33.33
<b>Người Học Tiếng Anh</b>	156	155	99.36	40.65
<b>Học Sinh Khuyết Tật</b>	20	20	100	20
<b>Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành cho Di Dân</b>				
<b>Thanh Thiếu Niên được Chăm Sóc Giám Hộ</b>				

Ghi chú: Kết quả kỳ thi môn toán bao gồm Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn và CAA. “Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đáp ứng hoặc vượt qua tiêu chuẩn của Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cộng với tổng số học sinh đáp ứng tiêu chuẩn của CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai thẩm định.

Ghi chú: Hai dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Ghi chú: Số học sinh đi thi bao gồm tất cả các học sinh tham gia kỳ thi bất kể có nhận được điểm số hay không; tuy nhiên số học sinh đi thi không phải là số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích. Chỉ các học sinh có điểm số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích..

**Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong Khoa Học cho Tất Cả Các Học Sinh**

Môn học	Phần Trăm Học Sinh Đạt Điểm ở Mức Khá hoặc Giỏi					
	Trường		Khu Học Chánh		Tiểu Bang	
	2014-15	2015-16	2014-15	2015-16	2014-15	2015-16
<b>Khoa Học (các lớp 5, 8, và 10)</b>	65	77	74	70	56	54

Ghi chú: Kết quả kỳ thi khoa học bao gồm Kỳ Thi Tiêu Chuẩn California (California Standards Test - CST), Thẩm Định Thay Đổi California (California Modified Assessment - CMA), và Thẩm Định Thành Tích Học Tập Thay Thế của California (CAPA) ở các lớp năm, tám, và mười.

Ghi chú: Không cho thấy điểm số khi số học sinh đi thi là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Lưu ý: Không có sẵn dữ liệu 2016-17. Sở Giáo Dục California đang phát triển một thẩm định khoa học mới dựa trên Tiêu chuẩn Khoa học Thế hệ Mới cho Trường Công California (CA NGSS). Kiểm tra Khoa học California (CAST) mới được thi điểm vào mùa xuân năm 2017. CST và CMA cho Khoa học sẽ không còn được tổ chức nữa

**Chương Trình Giáo Dục Kỹ Thuật Nghề Nghiệp (Năm Học 2016–17)**



### Tham Gia Giáo Dục Kỹ Thuật Nghề Nghiệp (Năm Học 2016–17)

Tiêu Chuẩn Đo Lường	Tham Gia Chương Trình CTE
Số Học Sinh Tham Gia CTE	
Phần Trăm Học Sinh Hoàn Tất một Chương Trình CTE và Có Bằng Tốt Nghiệp Trung Học	
Phần Trăm Khóa Học CTE Được Sắp Xếp Theo Trình Tự hoặc Chuyển Tiếp Giữa Trường Học và Các Cơ Sở Giáo Dục Sau Trung Học Cơ Sở	

### Các Khóa Học Chuẩn Bị để Vào Trường Đại Học California (UC) và/hoặc Trường Đại Học Tiểu Bang California (CSU)

Tiêu Chuẩn Đo Lường Khóa Học UC/CSU	Phần Trăm
Các Học Sinh Năm Học 2016–17 Ghi Danh vào Các Khóa Học Bắt Buộc để Vào UC/CSU	
Các Học Sinh Tốt Nghiệp Năm Học 2015–16 Đã Hoàn Thành Tất Cả Các Khóa Học Bắt Buộc để Vào UC/CSU	

### Ưu Tiên của Tiểu Bang: Kết Quả Học Tập Khác của Học Sinh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Kết Quả Học Tập Khác của Học Sinh (Ưu Tiên 8):

- Kết quả học tập của học sinh trong lĩnh vực môn học giáo dục thể chất.

### Kết Quả Kiểm Tra Sức Khỏe Thân Thể California (Năm Học 2016–17)

Cấp Lớp	Tiêu Chuẩn Sức Khỏe		
	Phần Trăm Học Sinh Đáp Ứng Bốn trên Sáu Tiêu Chuẩn Sức Khỏe	Phần Trăm Học Sinh Đáp Ứng Năm trên Sáu Tiêu Chuẩn Sức Khỏe	Phần Trăm Học Sinh Đáp Ứng Sáu trên Sáu Tiêu Chuẩn Sức Khỏe
5	20.8	27.8	22.2

Ghi chú: Tỷ lệ phần trăm không được tính khi số học sinh đi thi là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh..

## C. Tham Gia

### Ưu Tiên của Tiểu Bang: Sự Tham Gia của Phụ Huynh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Sự Tham Gia của Phụ Huynh (Ưu Tiên 3):

- Các nỗ lực của khu học chánh nhằm tìm kiếm ý kiến đóng góp từ phía phụ huynh trong việc đưa ra quyết định cho khu học chánh và mỗi địa điểm trường.

### Cơ Hội Tham Gia cho Phụ Huynh (Năm Học 2017–18)

Fryberger Elementary School is aware of the positive correlation between parent and community involvement and the success of students. Parents and community members are encouraged to join the teachers and district administrators in the many activities, programs, and organizations that support its students. Numerous programs and activities are enriched by the generous contributions made by the following sources: Student Council, School Site Council, Parent & Community Volunteers, and the Parent Teacher Association (PTA).

School and District meetings regarding LCAP are posted and everyone is invited to participate in the decision-making process.

Fryberger Elementary School encourages all parents to become involved in the school. Parent conferences, Open House, and Back-to-School events are designed to welcome parents, solicit input, and answer questions. The school also has an active Parent Teacher Association (PTA) and publishes a monthly newsletter to provide parents with updates on the school's classrooms. Parents are encouraged to make an appointment with their child's teacher if they have any questions.

Parents may sign up to receive text messages about school events on their phone.

There are numerous opportunities to volunteer at Fryberger School and we welcome participation.

### Ưu Tiên của Tiểu Bang: Sự Tham Gia của Học Sinh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Sự Tham Gia của Học Sinh (Ưu Tiên 5):

- Tỷ lệ bỏ học trung học; và
- Tỷ lệ tốt nghiệp trung học

#### Tỷ Lệ Bỏ Học và Tỷ Lệ Tốt Nghiệp (Tỷ Lệ Đoàn Hệ Bốn Năm)

Chỉ Báo	Trường			Khu Học Chánh			Tiểu bang		
	2013-14	2014-15	2015-16	2013-14	2014-15	2015-16	2013-14	2014-15	2015-16
Tỷ Lệ Bỏ Học							11.5	10.7	9.7
Tỷ Lệ Tốt Nghiệp							80.95	82.27	83.77

#### Hoàn Thành Các Yêu Cầu Tốt Nghiệp Trung Học – Khóa Tốt Nghiệp năm 2016 (Tỷ Lệ Một Năm)

Nhóm Học Sinh	Tiểu bang		
	Trường	Khu Học Chánh	Tiểu bang
Tất Cả Các Học Sinh			
Người Da Đen hoặc Người Hoa Kỳ Gốc Phi			
Người Hoa Kỳ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa			
Người Gốc Á Châu			
Người Phi Luật Tân			
Người Gốc Tây Ban Nha hoặc La-tinh			
Người Hạ Uy Di Bản Địa hoặc Người Các Đảo Thái Bình Dương			
Người Da Trắng			
Người mang Hai hoặc Nhiều Chứng Tộc			
Người có Hoàn Cảnh Kinh Tế Xã Hội Khó Khăn			
Người Học Tiếng Anh			
Học Sinh Khuyết Tật			
Thanh Thiếu Niên được Chăm Sóc Giám Hộ			

### Ưu Tiên của Tiểu Bang: Không Khí Nhà Trường

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Không Khí Nhà Trường (Ưu Tiên 6):

- Tỷ lệ học sinh bị đình chỉ;
- Tỷ lệ học sinh bị đuổi học; và
- Các tiêu chuẩn đo lường khác của địa phương về cảm giác an toàn

#### Đình Chỉ và Đuổi Học

Tỷ Lệ	Trường			Khu Học Chánh			Tiểu bang		
	2014-15	2015-16	2016-17	2014-15	2015-16	2016-17	2014-15	2015-16	2016-17
Đình Chỉ	3.2	2.6	3.3	3.0	2.6	2.9	3.8	3.7	3.6
Đuổi Học	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.1	0.1	0.1

## Kế Hoạch An Toàn Trường Học (Năm Học 2017–18)

Fryberger Elementary School offers a safe and secure campus for students and staff. The school was built in 1964 and provides up-to-date facilities and adequate space. Fryberger Elementary School is comprised of a kindergarten area, library media center, computer lab, large multipurpose room, and 27 classrooms. The school also enjoys a spacious playground with swings, a slide and play bars, as well as grassy fields for running, sports, and games. The school added new digital marquee and expanded the staff/community parking lot.

The school's Comprehensive School Site Safety Plan is updated every year to ensure the protection of students and staff. All staff members have copies of the plan and annually attend in-service days regarding school site safety policies. Students are supervised throughout the day by classified employees and teachers. There is a designated area for student drop-off and pick-up. Visitors register at the office and receive identification badges that must be displayed at all times.

The school is in compliance with the laws, rules, and regulations pertaining to hazardous materials and state earthquake standards. Earthquake preparedness drills, fire drills, and intruder drills are held on a regular basis. In the event of an emergency, the school's Disaster Preparedness Plan has clearly defined procedures to accommodate crisis situations and supplies are readily available.

## D. Thông Tin Khác của SARC

Thông tin trong mục này phải có trong SARC nhưng không được bao gồm trong các ưu tiên của tiểu bang đối với LCFF.

### Chương Trình Can Thiệp của Liên Bang (Năm Học 2017–18)

Chỉ Báo	Trường	Khu Học Chánh
Tình Trạng Cải Tiến Chương Trình	In PI	In PI
Năm Đầu Tiên Cải Tiến Chương Trình	2012-2013	2011-2012
Năm Tham Gia Cải Tiến Chương Trình	Year 2	Year 3
Số Trường Hiện Đang Tham Gia Cải Tiến Chương Trình	N/A	12
Phần Trăm Trường Hiện Đang Tham Gia Cải Tiến Chương Trình	N/A	85.7

Ghi chú: Các ô có giá trị NA không yêu cầu dữ liệu..

### Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Số Học Sinh (Tiểu Học)

Lớp Cấp	2014-15				2015-16				2016-17			
	Số Trung Bình Trong Lớp	Số Lớp*			Số Trung Bình Trong Lớp	Số Lớp*			Số Trung Bình Trong Lớp	Số Lớp*		
		1-20	21-32	33+		1-20	21-32	33+		1-20	21-32	33+
Mẫu Giáo	23		4		20	2	3		18	2	3	
1	30		2		20	2	1		24		3	
2	24		4		25		3		26		2	
3	26		2		28		3		27		3	
4	30		3		31		2		34			2
5	25	1	2		22	1	3		27	1	1	2
Các Lớp Khác	8	1										

\* Số lớp cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp).

**Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Sĩ Học Sinh (Trung Học Cơ Sở)**

Môn học	2014-15			2015-16			2016-17					
	Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp	Số Lớp*			Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp	Số Lớp*			Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp	Số Lớp*		
		1-22	23-32	33+		1-22	23-32	33+		1-22	23-32	33+
Tiếng Anh												
Khoa học												
Khoa Học Xã Hội												

\* Số lớp cho biết có bao nhiêu lớp học trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp học). Ở cấp trung học cơ sở, thông tin này được báo cáo theo lĩnh vực môn học thay vì theo cấp lớp.

**Cố Vấn Học Tập và Nhân Viên Hỗ Trợ Khác (Năm Học 2016–17)**

Chức Danh	Số FTE* Được Phân cho Trường	Số Học Sinh Trung Bình trên mỗi Cố Vấn Học Tập
Cố Vấn Học Tập	0.2	2000
Cố Vấn (Phát Triển Giao Tiếp/Hành Vi hoặc Nghề Nghiệp)	0	N/A
Giáo Viên Truyền Thông Thư Viện (Thủ Thư)	0.0	N/A
Nhân Viên Dịch Vụ Truyền Thông Thư Viện (Bán Chuyên)	0.8	N/A
Nhà Tâm Lý Học	0.2	N/A
Nhân Viên Xã Hội	0.0	N/A
Y Tá	0.2	N/A
Chuyên Gia về Phát Âm/Ngôn Ngữ/Thính Giác	0.5	N/A
Chuyên Gia Nguồn Lực (không giảng dạy)	1.0	N/A
Các Chức Danh Khác	0.0	N/A

Ghi chú: Các ô ghi N/A không yêu cầu dữ liệu.

\* Một đơn vị Tương đương Toàn Thời Gian (FTE) bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian;

**Chi Phí Cho Mỗi Học Sinh và Lương của Giáo Viên tại Địa Điểm Trường (Năm Tài Khóa 2015–16)**

Cấp	Expenditures Per Pupil			Lương Trung Bình của Giáo Viên
	Tổng Chi Phí Cho Mỗi Học Sinh	Chi Phí Cho Mỗi Học Sinh (Giới Hạn)	Chi Phí Cho Mỗi Học Sinh (Không Giới Hạn)	
Địa Điểm Trường	\$1,463	\$1,315	\$148	\$73,233
Khu Học Chánh	N/A	N/A	\$4,038	\$84,303
Mức Chênh Lệch Tính Theo Phần Trăm – Địa Điểm Trường và Khu Học Chánh	N/A	N/A	-96.3%	3.8%
Tiểu bang	N/A	N/A	\$6,574	\$78,363
Mức Chênh Lệch Tính Theo Phần Trăm – Địa Điểm Trường và Tiểu Bang	N/A	N/A	-97.3%	4.3%

Ghi chú: Các ô ghi N/A không yêu cầu dữ liệu.

**Các Loại Dịch Vụ được Tài Trợ (Năm Tài Khóa 2016–17)**

- Federal, ECIA/ESEA/IASA
- Federal, Special Education, Entitlement per UDC
- Federal, Special Education, Discretionary Grants
- Federal, Drug/Alcohol/Tobacco Funds

- Federal, Interagency Contracts
- Special Education Master Plan - Current Year
- Local Control Funding Formula
- Special Education Transportation
- Educational Technology Assistance Grants
- McKinney-Vento Grant

#### Lương Giáo Viên và Nhân Viên Hành Chính (Năm Tài Khóa 2015–16)

Hạng Mục	Số Tiền của Khu Học Chánh	Mức Trung Bình của Tiểu Bang Dành Cho các Khu Học Chánh Trong Cùng Hạng Mục
Lương Khởi Điểm của Giáo Viên	\$42,760	\$48,678
Mức Lương Trung Bình của Giáo Viên	\$82,529	\$78,254
Mức Lương Cao Nhất của Giáo Viên	\$108,023	\$96,372
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Tiểu Học)	\$121,641	\$122,364
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Trung Học Cơ Sở)	\$123,595	\$125,958
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Trung Học)		\$126,758
Mức Lương của Giám Đốc Khu Học Chánh	\$228,168	\$212,818
Phần Trăm Ngân Sách dành để Trả Lương Giáo Viên	43%	38%
Phần Trăm Ngân Sách dành để Trả Lương Nhân Viên Hành Chính	5%	5%

Để có thông tin chi tiết về mức lương, xem trang Web về Lương Bổng & Quyền Lợi Được Xác Nhận của CDE tại <http://www.cde.ca.gov/ds/fd/cs/>.

#### Các Khóa Học Nâng Cao (AP) (Năm Học 2016–17)

Môn học	Số Các Khóa Học AP được Cung Cấp*	Phần Trăm Học Sinh Tham Gia các Khóa Học AP
Khoa Học Máy Tính		N/A
Tiếng Anh		N/A
Mỹ Thuật và Nghệ Thuật Trình Diễn		N/A
Ngoại Ngữ		N/A
Toán		N/A
Khoa học		N/A
Khoa Học Xã Hội		N/A
Tất Cả Các Khóa Học		

Ghi chú: Các ô ghi N/A không yêu cầu dữ liệu.

\* Trường hợp có tối thiểu một học sinh đăng ký khóa học.

#### Phát Triển Chuyên Môn

Staff members build teaching skills and concepts by participating in conferences and workshops throughout the year. The district offers two staff development days annually where teachers are offered a broad based variety of professional growth opportunities in curriculum, teaching strategies, and methodologies. The areas of focus include 21st century teaching and learning, differentiating instruction, and training to support English Learner (EL) students. Teachers were also trained in cultural proficiency.